

Bản án số: 113/2026/HS-ST
Ngày: 05/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hoa

Ông Hà Văn Tiến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thanh Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2026/HSST, ngày 06 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/ **Trần Thị T**; Giới tính: Nữ, sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nơi thường trú: Số A, khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: Không nơi cư trú nhất định; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần B và bà Dương Thị D; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có 01 con trai sinh năm 1994; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 126/HSST ngày 25/11/1996, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 129/HSST ngày 14/9/2000, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 264/2014/HSST ngày 11/11/2014, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Trần Thị T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tạm giam ngày 30/4/2025; (có mặt).

2/ **Nguyễn Thị D1**; Giới tính: Nữ, sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: B315 B, khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: Số G, ấp G, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị L; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có chồng là Giang Văn M, có 01 con sinh năm 1993; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 29/HSST ngày 20/02/1998, Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

- Bản án hình sự sơ thẩm số 55/HSST ngày 11/4/2001, Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tạm giam ngày 30/4/2025; (có mặt).

3/ **Giang Văn M**; Giới tính: N, sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: Số I đường Q, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: Số G, ấp G, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn Con ông Giang Văn T2 và bà Nguyễn Thị R; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D1, có 01 con sinh năm 1993; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Tạm giam ngày 30/4/2025; (có mặt).

Bị hại:

1/ Bà **Võ Cẩm L1**, sinh năm 2004; Nơi thường trú: Thôn G, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nơi ở hiện tại: Số D, tổ A, khu phố C, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt).

2/ Bà **Phan Thanh Thu T3**, sinh năm 2001; Nơi thường trú: Số B đường H, khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt); (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Giang Thị Ngọc T4**, sinh năm 1993; Nơi thường trú: Số B B, Khu phố C, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); Nơi ở hiện tại: Ấp B, đường X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên vào tối ngày 23 tháng 4 năm 2025, Trần Thị T gọi điện thoại rủ Giang Văn M đến siêu thị M1 đường T, Khu phố C, phường T, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh) để trộm cắp tài sản bằng hình thức móc túi, M đồng ý và rủ thêm vợ là Nguyễn Thị D1 thì D1 đồng ý. Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 23/4/2025, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen biển số 59G2-837.71 chở D1 đến siêu thị M1. Trần Thị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 59E2-094.54 đến gặp Mỹ và D1. Sau đó, T, D1 và M đã bàn bạc và thống nhất kế hoạch thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó, T và D1 đi vào trong siêu thị, T dùng tay phải móc túi áo khoác bên trái của bà Võ Cẩm L1 (là người đi mua hàng tại siêu thị), nhanh chóng lấy trộm chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 5G của bà L1 cất vào bên trong túi áo khoác của mình. Sau khi lấy trộm được điện thoại này, T đi ra phía trước bãi xe của siêu thị để đưa điện thoại trộm cắp được cho M cất giữ. Tiếp đó, T và D1 đứng trò chuyện tại khu vực thùng catton, mục đích là để tìm kiếm người có tài sản sơ hở để tiếp tục trộm cắp. Phát hiện bà Phan Thanh Thu T3 (người đi mua hàng tại siêu thị) để một chiếc điện thoại Iphone 13 Mini ở bên phải túi áo khoác, T dùng tay phải móc túi áo bên phải của bà T3 lấy trộm chiếc điện thoại này. D1 đứng gần bên phải của T giả vờ lựa thùng catton nhưng mục đích là đứng cảnh giới và che chắn camera cho T. Sau khi lấy trộm điện thoại, T nhanh chóng mang điện thoại vừa trộm cắp được cho M cất giữ và đến xe của mình thì bị nhân viên an ninh của siêu thị giữ lại, đề nghị trả lại điện thoại cho bà T3.

Qua điều tra truy xét, ngày 25/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã triệu tập Trần Thị T, Nguyễn Thị D1, Giang Văn M làm việc. Tại đây, T, D1 và M đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản như trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Quận A: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 5G; số IMEI 1: 8646470567056750998; số IMEI 2: 8646470567056750980; trị giá 2.750.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 mini 128GB, số IMEI 1:358082904594351, số IMEI 2: 358082905401424 trị giá 6.500.000 đồng; Tổng giá trị tài sản là 9.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 249/CT-VKSKV7, ngày 05/01/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị D1, Giang Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà:

- Bị cáo Trần Thị T thừa nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Cụ thể, ngày 23/4/2025, bị cáo gọi điện thoại rủ Giang Văn M đến siêu thị M1 trên đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm kiếm người sơ hở thì trộm cắp tài sản của họ, Giang Văn M đồng ý, sau đó bị cáo M rủ vợ bị cáo M là Nguyễn Thị Diệu Đ cùng. Bị cáo T, cùng D1, M thống nhất, bị cáo và D1 sẽ cùng vào siêu thị để tìm kiếm người sơ hở, M ở ngoài chờ khi nào các bị cáo chiếm đoạt được tài sản thì sẽ mang ra cho M cất giữ để tẩy tã tài sản. Bị cáo đã cùng với Nguyễn Thị D1 lén lút chiếm đoạt tài sản là 02 chiếc điện thoại của 02 bị hại là khách hàng tại siêu thị; bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi còn bị cáo D1 thì cảnh giới, che chắn cho bị cáo để tránh bị an ninh siêu thị và Camera siêu thị phát hiện. Bị cáo xác nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị D1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, bị cáo khai nhận đã cùng với chồng là Giang Văn M cấu kết với Trần Thị T thực hiện các vụ “Trộm cắp tài sản” như T đã khai nhận. Bị cáo cùng T vào siêu thị, tìm kiếm người nào sơ hở và chỉ cho T, khi T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thì bị cáo cảnh giới, che chắn cho T để không bị an ninh siêu thị hay Camera siêu thị phát hiện. Bị cáo xác nhận Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Giang Văn M thừa nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo là người chờ ở ngoài để đợi khi T, D1 chiếm đoạt được tài sản thì bị cáo sẽ cất giữ. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Hồ sơ vụ án thể hiện các bị hại là bà Võ Cẩm L1, bà Phan Thanh Thu T3 đã nhận lại tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì khác; bị hại bà Phan Thanh Thu T3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Giang Thị Ngọc T4 đề nghị Hội đồng xét xử cho bà nhận lại chiếc Xe mô tô biển số 59G2-837.71, nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE RSX, màu đỏ đen, số khung: RLHJA3853LY032157, số máy: JA52E-0155669; Đây là xe bà mua để sử dụng, cha bà là ông Giang Văn M mượn, bà không biết ông M dùng xe để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm của vụ án cho rằng: Đây là vụ án trộm cắp tài sản do các bị cáo Trần Thị T, Giang Văn M, Nguyễn Thị D1 thực hiện. Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại siêu thị M1, đường T, Khu phố C, phường T, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; Trần Thị T đã có sự cấu kết chặt chẽ với Giang Văn M, Nguyễn Thị D1 để phân công vai trò rõ ràng và có kế hoạch thống nhất nhằm thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của bà Võ Cẩm L1, Phan Thanh Thu T3, trị giá 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Sau khi nêu lên hậu quả do các bị cáo gây nên, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Giang Văn M từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh còn đề nghị tuyên buộc các bị cáo phải nộp án phí và xử lý vật chứng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản cáo trạng, các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị D1, Giang Văn M đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, biên bản đối chất, kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại siêu thị M1, đường T, Khu phố C, phường T, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị D1, Giang Văn M đã có sự bàn bạc, phối hợp, thống nhất và phân công vai trò cụ thể của từng người để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại tại siêu thị M1. Cụ thể, sau khi T, D1 phát hiện khách hàng có tài sản sơ hở; bị cáo T sẽ trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, bị cáo D1 đóng vai trò cảnh giới; che chắn camera an ninh siêu thị cũng như tầm nhìn của người xung quanh, còn bị cáo M có nhiệm vụ nhận và cất giấu tài sản ngay sau khi T, D1 chiếm đoạt và mang ra cho M.

Vụ thứ nhất, khi phát hiện bà Võ Cẩm L1 có 01 chiếc điện thoại bên túi áo khoác trái, Trần Thị T đã tiếp cận và lén lút dùng tay chiếm đoạt chiếc điện thoại bên túi áo trái của bà L1 và cất vào bên trong túi áo của T. Sau đó, T đưa chiếc điện thoại cho Giang Văn M ở trước bãi giữ xe để cất giữ - Theo Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 5 năm 2025 chiếc điện thoại di động Oppo Reno6 5G tại thời điểm ngày 23/4/2025 có trị giá là 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Vụ thứ hai, khi phát hiện bà Phan Thanh T5 Thảo có tài sản là chiếc điện thoại đặt bên túi áo khoác phải, D1 đóng vai trò cảnh giới che chắn camera cho T để thực hiện hành vi lấy trộm chiếc điện thoại bên túi áo khoác phải. Sau đó T nhanh chóng mang điện thoại vừa trộm được cho M cất giữ - Theo Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 09 tháng 5 năm 2025 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13 mini 128 Gb màu đen tại thời điểm ngày 23/4/2025 có trị giá là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng.

Tổng giá trị tài sản theo kết luận định giá là 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng. Với các hành vi như đã nêu trên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị D1, Giang Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi của các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị D1, Giang Văn M là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, trị an xã hội, Do vậy, cần thiết phải áp dụng tội danh và hình phạt của điều luật truy tố quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo với mức án tương xứng nhằm giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Riêng các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị D1 có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội này các bị cáo có nhiều lần bị xử lý hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” cho thấy sự coi thường pháp luật và ý thức cải tạo kém. Vì vậy, cần xem xét đến việc chấp hành pháp luật của 02 bị cáo này khi lượng hình.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của 02 bị hại với trị giá tài sản của các lần phạm tội từ 2.750.000 đồng đến 6.500.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành thật khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Giang Văn M chưa có tiền án, tiền sự nên được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Hội đồng xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo không có việc làm ổn định nên quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là bà Võ Cẩm L1 và bà Phan Thanh Thu T3 đã thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Xe mô tô biển số 59G2-837.71, nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE RSX, màu đỏ đen, số khung: RLHJA3853LY032157, số máy: JA52E-0155669 (tạm giữ của Mỹ). Qua xác minh, được biết bà Giang Thị Ngọc T4 (con gái của Giang Văn M) là chủ sở hữu - Bà T4 giao xe cho bị cáo M sử dụng và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo M nên trả lại chiếc xe nêu trên cho bà T4.

- Xe mô tô biển số 59E2-094.54, nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE RSX, màu đỏ đen, số khung: RLHJC4324AY017127, số máy: JC43E5019610 (tạm giữ của T). Qua xác minh được biết bà Hà Thanh H là chủ sở hữu của chiếc xe

bà H khai đã bán chiếc xe cho một người thanh niên (không rõ lai lịch), không làm hợp đồng mua bán vào năm 2022. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã đăng báo tìm chủ sở hữu - Do đó, cần thông tin tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đối với xe mô tô trên để trả lại, sau 01 năm nếu không ai đến nhận thì tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Điện thoại di động hiệu OPPO A76, màu xanh, số IMEI1: 869571054794813, số IMEI2: 869571054794805 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị D1 – Không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Diệu .

- Điện thoại di động hiệu S A23, màu hồng, số IMEI1: 354650133466601, số IMEI2: 355740243466606 thu giữ của bị cáo Giang Văn M - Đây là điện thoại M dùng để liên lạc với T để thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” – là công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30s, màu trắng, số IMEI1: 358544102544678, số IMEI2: 358545102544675 thu giữ của bị cáo Trần Thị T – T dùng điện thoại này để tú Giang Văn M thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” – là công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Áo khoác bằng vải thun, màu nâu nhạt, có mũ trùm đầu, trên áo có chữ “Tnj FASHION” thu giữ của bị cáo Trần Thị T, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét lời luận tội của của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017,

xử phạt bị cáo Trần Thị T: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/4/2025.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D1: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/4/2025.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Giang Văn M: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 30/4/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong.

2. Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoác dài tay bằng vải thun, màu nâu nhạt, trên áo có chữ “Tnj FASHION, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu hồng, số IMEI 1: 354650133466601, số IMEI 2: 355740243466606, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30S, màu trắng, số IMEI 1: 358544102544678, IMEI 2: 358545102544675) đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị D1: 01 (một) điện thoại di động OPPO A76, màu xanh, số IMEI 1: 869571054794813, số IMEI 2: 869571054794805, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bà Giang Thị Ngọc T4: Xe mô tô biển số 59G2-837.71, nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE RSX; màu đỏ đen, số khung: RLHJA3853LY032157, số máy: JA52E-0155669.

- Giao cho Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục đăng thông tin tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp trên báo chí, sau 01 năm kể từ ngày đăng báo, nếu chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp không đến nhận thì tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước đối với: Xe mô tô biển số 59E2-094.54, nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE RSX, màu đỏ đen, số khung: RLHJC4324AY017127, số máy: JC43E5019610.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 202/2026 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q về án phí, lệ phí Tòa án – Các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị D1 và Giang Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Thị D1 và Giang Văn M; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Giang Thị Ngọc T4 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án, các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP HCM;
- Công an TP. HCM;
- VKS KV7-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã đóng dấu và ký tên)

Nguyễn Mạnh Hùng